

Số: 1862/QĐ-UBND

An Xuyen, ngày 03 tháng 7 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc giao bổ sung dự toán chi ngân sách Nhà nước năm 2026
(do điều chỉnh người làm việc hưởng lương từ ngân sách Nhà nước)
cho Trạm Y tế phường An Xuyen**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG AN XUYỀN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 2118/QĐ-UBND ngày 10/6/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh kinh phí của các Trung tâm Y tế khu vực đã giải thể và các Trung tâm Y tế khu vực tổ chức lại thành Bệnh viện trực thuộc Sở Y tế;

Căn cứ Thông báo số 501/TB-STC ngày 02/07/2026 của Sở Tài chính về việc bổ sung kinh phí cho Ủy ban nhân dân xã, phường do điều chỉnh người làm việc hưởng lương từ ngân sách Nhà nước về Trạm Y tế xã, phường;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị tại Tờ trình số 320/KTHTĐT ngày 03/7/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao bổ sung dự toán chi ngân sách Nhà nước năm 2026 cho Trạm Y tế phường, kinh phí do điều chỉnh người làm việc hưởng lương từ ngân sách Nhà nước, với số tiền: **1.482.177.163 đồng (Một tỷ, bốn trăm tám mươi hai triệu, một trăm bảy mươi bảy nghìn, một trăm sáu mươi ba đồng)** (theo biểu đính kèm).

Nguồn kinh phí: Từ nguồn ngân sách tỉnh bổ sung có mục tiêu năm 2026 (Theo thông báo số 501/TB-STC ngày 02/7/2026 của Sở Tài chính).

Điều 2. Căn cứ dự toán bổ sung chi ngân sách năm 2026 được giao, Thủ trưởng đơn vị tổ chức thực hiện quản lý thu, chi ngân sách theo đúng quy định của Luật ngân sách Nhà nước và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND và UBND phường, Trưởng phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị, Giám đốc Trạm Y tế và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TT Đảng ủy, HĐND phường (b/c);
- CT, PCT UBND phường;
- KBNN XX - Phòng giao dịch số 12;
- Lãnh đạo Văn phòng;
- Trang thông tin điện tử phường;
- Lưu: VT.



CHỦ TỊCH

Huỳnh Văn Minh

UBND PHƯỜNG AN XUYỀN

Mẫu biểu số 47

Chương: 823



DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

Đơn vị: Trạm Y tế phường An Xuyên

Mã số đơn vị: 1169663

Mã KBNN: 0971

(Kèm theo Quyết định số 1862/QĐ-UBND ngày 03/7/2026 của Chủ tịch UBND phường An Xuyên)

STT	Nội dung	Tổng số
I	Tổng số thu, chi nộp ngân sách phí, lệ phí	
1	Số thu phí, lệ phí	
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại	
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN	
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	1.482.177.163
1	Chi quản lý hành chính	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyên đổi số	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	1.482.177.163
4.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ (130-132-13)	1.420.260.763
	Kinh phí năm 2025 chuyển sang năm 2026	84.902.520
	Kinh phí tổng quỹ lương	1.014.204.280
	Kinh phí hoạt động thường xuyên	321.153.963
4.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ (130-132-18)	61.916.400
	Kinh phí tiền thưởng theo Nghị định số 73/NĐ-CP	61.916.400
5	Chi bảo đảm xã hội	
6	Chi sự nghiệp kinh tế	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
8	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	

PHÂN BỐ DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026*(Kèm theo Quyết định số 1862/QĐ-UBND ngày 03/7/2026 của Chủ tịch UBND phường An Xuyên)*

STT	Nội dung	Tổng số	Chi tiết theo đơn vị sử dụng (phân cấp 0 đến cấp 4)
			Trạm Y tế phường
A	B	1	2
I	Tổng số thu, chi nộp ngân sách phí, lệ phí		
1	Số thu phí, lệ phí		
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại		
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN		
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	1.482.177.163	1.482.177.163
1	Chi quản lý hành chính		
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số		
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề		
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	1.482.177.163	1.482.177.163
4.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ (130-132-13)	1.420.260.763	1.420.260.763
	Kinh phí năm 2025 chuyển sang năm 2026	84.902.520	84.902.520
	Kinh phí tổng quỹ lương	1.014.204.280	1.014.204.280
	Kinh phí hoạt động thường xuyên	321.153.963	321.153.963
4.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ (130-132-18)	61.916.400	61.916.400
	Kinh phí tiền thưởng theo Nghị định số 73/NĐ-CP	61.916.400	61.916.400
5	Chi bảo đảm xã hội		
6	Chi sự nghiệp kinh tế		
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường		
8	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội		
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình		
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao		
	Mã số đơn vị sử dụng NSNN	1169663	1169663
	Mã số Kho bạc Nhà nước nói giao dịch	0971	0971

